

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 02 năm 2021
V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Khổng Minh Thanh

2. Ông Phan Duy Hưng

T ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2020/ TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2021/QĐST – DS ngày 15/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Ngô Tiến D**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu 9, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

- Bị đơn: **Chị Lê Thị Thu H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu 8, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trong đơn khởi kiện ngày 06/11/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Ngô Tiến D trình bày:

Anh kết hôn với chị Lê Thị Thu H ngày 23/01/1991 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu 8, xã H từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh D xác nhận anh và chị H có 01 con chung là Ngô Anh T, sinh ngày 23/10/1994 hiện nay cháu T đã lấy chồng có gia đình riêng nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, cho vay, đất nông nghiệp, công sức: Anh D xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, Bị đơn chị Lê Thị Thu H trình bày: Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2021 chị H xác nhận chị có kết hôn với anh Ngô Tiến D ngày 23/01/1991 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 1997 thì anh D bỏ mẹ con chị đi, từ đó đến nay không quan tâm đến mẹ con chị. Sau khi anh D bỏ đi thì chị ở nhà chồng được một thời gian, đến đầu năm 1998 thì chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh D xin ly hôn chị không nừu kéo vì tình cảm vợ chồng đã hết nhưng chị không đồng ý ly hôn; Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh D có 01 con chung là Ngô Anh T, sinh ngày 23/10/1994 hiện nay cháu T đã lấy chồng có gia đình riêng nên chị không có ý kiến gì; Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, cho vay, đất nông nghiệp, công sức: Chị H xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08/01/2021 chị H có đơn đề nghị Tòa án xem xét việc chị yêu cầu anh D phải bồi Tồng tuổi thanh xuân của chị trong 24 năm và trả tiền nuôi con cho chị trong 23 năm.

3, Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 06/01/2021 thấy rằng anh D, chị H đều có hộ khẩu Tồng trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 23/01/1991 tại UBND xã H. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 1997 thì mâu thuẫn, đến năm 1998 thì chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh sống từ đó đến nay, anh chị không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Xử cho anh Ngô Tiến D được ly hôn chị Lê Thị Thu H. Về con chung: cháu Ngô Anh T đã trưởng thành có gia đình riêng nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, đất nông nghiệp, công sức: anh D, chị H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh D phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu Tồng trú tại khu 8, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1,

điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[1.3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn anh Ngô Tiến D và bị đơn chị Lê Thị Thu H đều đề nghị được giải quyết vắng mặt và đã có quan điểm thể hiện trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 1, điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt anh D, chị H.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh D, chị H là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 23/01/1991. Xét tình cảm vợ chồng giữa anh D và chị H được tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, anh D cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu 8, xã H từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn chị H. Phía chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 1997 thì anh D bỏ mẹ con chị đi, từ đó đến nay không quan tâm đến mẹ con chị. Sau khi anh D bỏ đi thì chị ở nhà chồng được một thời gian, đến đầu năm 1998 thì chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh D xin ly hôn chị không nỡ kéo vì tình cảm vợ chồng đã hết nhưng chị không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi chị H đến Tòa án để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của anh chị, mặc dù chị đã nhận được các giấy báo của Tòa án nhưng không đến Tòa án để làm việc. Như vậy thể hiện việc chị H không muốn ly hôn là không thực tâm, khả năng đoàn tụ là khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài chỉ gây nên đau khổ cho cả hai bên, anh chị chung sống không đem lại hạnh phúc và tình yêu thương không có. Ngày 06/01/2021 Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành xác minh tại UBND xã H về quan hệ hôn nhân của anh D, chị H được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 1997 thì mâu thuẫn, đến năm 1998 thì chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh sống từ đó đến nay, anh chị không ai quan tâm đến ai. Vì vậy anh D xin ly hôn chị H cần xử cho anh D được ly hôn chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh D, chị H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Ngô Anh T, sinh ngày 23/10/1994. Hiện nay cháu T đã lấy chồng có gia đình riêng nên khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, đất nông nghiệp, công sức: Anh D, chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Đối với việc chị H yêu cầu anh D phải bồi thường tuổi thanh xuân của chị trong 24 năm và trả tiền nuôi con cho chị trong 23 năm. Tòa án đã báo chị H ngày 26/01/2021 đến Tòa án nhân dân huyện T để làm việc, làm rõ yêu cầu của chị nhưng chị H không có mặt nên chưa có căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án này. Vì

vậy, Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác khi chị H có yêu cầu cụ thể là phù hợp.

[2.5] Về án phí: Anh D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1, Xử: Cho anh Ngô Tiến D được ly hôn chị Lê Thị Thu H.

2, Về con chung: anh D, chị H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Ngô Anh T, sinh ngày 23/10/1994. Hiện nay cháu T đã lấy chồng có gia đình riêng nên khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3, Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, đất nông nghiệp, công sức: anh D, chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5, Về án phí: Anh Ngô Tiến D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002726 ngày 09/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

Báo cho các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã H.
- Lưu HS - VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền